

TƯ TƯỞNG VÀ TRIẾT LÝ HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC*

HOÀNG CHÍ BẢO**

Hồ Chí Minh không chỉ là nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà tổ chức thiên tài của cách mạng Việt Nam mà còn là nhà văn hóa lớn của dân tộc - một danh nhân văn hóa kiệt xuất. Thế giới tôn vinh Người là anh hùng giải phóng dân tộc, ngọn cờ đầu của phong trào đấu tranh chống đế quốc thực dân vì độc lập tự do, vì hòa bình, công lý và phẩm giá con người. Là người bạn lớn của nhân dân các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, Người đã dâng thân và tự nguyện dâng hiến cả cuộc đời mình cho độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân và nhân loại.

Tư tưởng cao quý và sự nghiệp vĩ đại

Tư tưởng chủ đạo, bao trùm và xuyên suốt di sản của Người là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tiếp thu và giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của V.I.Lê-nin về quyền tự quyết của các dân tộc, nhận rõ tầm vóc lịch sử vạch thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 - một hình mẫu của "Cách mạng đến nơi", tức là triệt để cách mạng, vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra *quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới*: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Sáng tạo to lớn và cũng là cống hiến vô giá của Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam trong lịch sử hiện đại đồng thời là sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người chỉ rõ:

- Giành độc lập cho dân tộc bằng con đường cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân, vượt qua ý thức hệ phong

kiến và tư sản, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, giai cấp có ý thức hệ tiên tiến nhất. Do đó, *giải phóng để phát triển, đưa dân tộc tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

- Con đường cách mạng giải phóng để phát triển đó, với Việt Nam chỉ có thể là tiến tới chủ nghĩa xã hội, quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Để làm cuộc cách mạng như thế, theo tấm gương của Cách mạng Tháng Mười, *trước hết phải có đảng cách mạng chân chính. Đảng trước hết phải có chủ nghĩa làm cốt. Đảng không có chủ nghĩa giống như người không có trí khôn. Khảo nghiệm tất cả các lý thuyết, các chủ nghĩa để rồi Người đi tới kết luận: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê-nin (Mác - Lê-nin). Trong hành trình cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Người đã kết hợp lao động và*

* Bài viết là kết quả nghiên cứu được tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED)

** GS, TS, Hội đồng Lý luận Trung ương

đấu tranh trong thực tiễn với học tập, nghiên cứu lý luận.

Trong các tác phẩm của Người, ta thấy rõ, Người nói tới *chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê-nin* và *chủ nghĩa Mác - Lê-nin*. Nói về Đảng cách mạng chân chính, Người không chỉ nhấn mạnh “Đảng phải có chủ nghĩa” mà còn đặc biệt nhấn mạnh, “Đảng phải giữ chủ nghĩa cho vững” (không bấp bênh dao động, không chòng chành, lạc hướng, nhất là trong lúc khó khăn, thử thách). Hơn nữa, trong “*Đường cách mệnh*” (năm 1927), từ khi Đảng chưa ra đời, càng chưa cầm quyền mà Người đã dự cảm, tiên liệu rằng, Đảng cách mệnh, người cách mệnh, muốn đưa sự nghiệp tới thắng lợi cuối cùng, “phải ít lòng ham muốn (tham muốn) về vật chất”. Sau này, khi Đảng đã cầm quyền và Người đã ở cương vị cao nhất của quyền lực, Người còn tỉnh táo, sáng suốt để có dũng khí “đứng ngoài vòng danh lợi”, “tuyệt đối không màng danh lợi”, vừa tự mình thực hành mẫu mực, vừa công phu rèn luyện, đào luyện đội ngũ cán bộ theo phẩm chất ấy. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa *lý luận khoa học* với *chính trị cách mạng* và *đạo đức thấm đẫm chất nhân văn*. Đặc điểm nổi bật nói lên bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh là khoa học - cách mạng và nhân văn.

- Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Hồ Chí Minh cũng chính là người đã phát hiện ra *tính đặc thù, quy luật đặc thù* về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và *phong trào yêu nước của dân tộc*. Vậy là, từ trong bản chất của Đảng, Đảng luôn gắn bó mật thiết với nhân dân. Nhân dân và dân tộc là cơ sở xã hội bền vững của Đảng, là cội nguồn sức mạnh của Đảng.

Càng thể hiện bản chất giai cấp công nhân sâu sắc bao nhiêu, Đảng càng phải thể hiện sự liên hệ, gắn bó mật thiết với nhân

dân và dân tộc bấy nhiêu. Bởi thế, Đảng không chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của dân tộc và nhân dân Việt Nam. Đảng đại biểu cho lợi ích chân chính của giai cấp công nhân, của nhân dân và của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đảng tồn tại và tranh đấu chỉ với mục đích duy nhất là giành độc lập cho Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho dân tộc và nhân dân. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là lý tưởng và mục tiêu phấn đấu của Đảng. Chủ nghĩa quốc tế chân chính là đặc tính của đảng cách mạng mang bản chất giai cấp công nhân. Do đó, chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng được phát huy cao độ gắn liền với chủ nghĩa quốc tế, sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng, đưa dân tộc Việt Nam phát triển tới chủ nghĩa xã hội - con đường phát triển đầy triển vọng tốt đẹp, phù hợp với xu thế của lịch sử, với quy luật của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản tới chủ nghĩa xã hội trong thế giới ngày nay.

Giá trị đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là ở chỗ, từ sự phân tích và tổng kết thực tiễn lịch sử xã hội một cách khoa học, vận dụng nhuần nhuyễn lý luận và thực tiễn, Người đã đem lại lời giải chính xác về *con đường* và *phương pháp* cách mạng để thực hiện giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân, về mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc với phát triển dân tộc, giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc là tiền đề, là điều kiện của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là nhân tố bảo đảm thực chất, đầy đủ, chắc chắn và triệt để nhất cho độc lập dân tộc.

Cống hiến vĩ đại, vô giá của tư tưởng và sự nghiệp Hồ Chí Minh đối với dân tộc ta vì thế, chính là ở chỗ, Người đã giải quyết thành công cuộc khủng hoảng triển miên về đường

lối cứu nước từ cuối thế kỷ XIX đến những năm 30 của thế kỷ XX ở nước ta. Lý luận và phương pháp cách mạng của Người đã chấm dứt sự phá sản và bế tắc của các phong trào yêu nước, chống đế quốc, thực dân và phong kiến thời đó, khai phá, mở đường để tìm tòi một lối đi mới, một cách thức phát triển mới cho nước ta và dân tộc ta.

Sáng lập ra Đảng cách mạng chân chính, lãnh đạo thành công Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khởi thảo và tuyên đọc “Tuyên ngôn độc lập”, khai sinh ra chế độ dân chủ cộng hòa đầu tiên ở Việt Nam, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để dân tộc độc lập và có chủ quyền, nhân dân từ thân phận nô lệ trở thành người chủ, có quyền tự do và làm chủ, có cuộc sống hạnh phúc - đó là công lao vĩ đại của Người, mãi mãi không phai mờ trong lịch sử.

Lập quốc và lập Hiến, từ những ngày đầu dựng nên chính thể mới, Người đã đặt nền móng xây đắp chế độ dân chủ và nhà nước pháp quyền ở nước ta. Trong trường kỳ kháng chiến gian lao chống thực dân Pháp xâm lược trở lại, với niềm tin son sắt vào sức mạnh của dân tộc và nhân dân, Người đã cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm nên thắng lợi, “kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành”, đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ là đế quốc thực dân Pháp.

Từ những năm 60 của thế kỷ trước cho đến khi qua đời (ngày 2-9-1969), Người đã phát huy cao độ lòng yêu nước của toàn dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, cổ vũ toàn thể đồng bào, chiến sĩ “vì độc lập, vì tự do”, “hễ còn một tên giặc Mỹ xâm lược thì ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi” và “cách mạng Việt Nam nhất định thắng, đế quốc Mỹ xâm lược nhất định thua”. Người tin rằng, đó là điều chắc chắn. Trong “*Di chúc*”, với niềm tin ấy, Người khẳng định, chúng ta có quyền tự hào đã đánh thắng hai đế quốc to. Và cuối cùng, niềm tin đó của Người, *tiêu biểu* và *kết*

tinh niềm tin của cả dân tộc đã trở thành sự thật với Đại thắng Mùa Xuân năm 1975, hơn 40 năm về trước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, Tổ quốc độc lập, đất nước thống nhất, nhân dân hai miền Nam - Bắc đã sum họp một nhà.

Dân tộc Việt Nam dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời đại Hồ Chí Minh đã đứng vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong trong cuộc đấu tranh chống đế quốc thực dân, đánh bại cả chủ nghĩa thực dân cũ và mới, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Dấn thân để vì dân, hóa thân vào dân tộc và nhân dân để trọn đời thực hành đạo làm người của người cách mạng

Là một nhà cách mạng kiên định, nhà tư tưởng mác-xít sáng tạo, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tự ý thức sâu sắc rằng, mình là người hoạt động chính trị chuyên nghiệp. Có thể hiểu đó là nghề nghiệp mà Người lựa chọn, nhưng nếu nỗ lực *thấu hiểu* về Người, ta sẽ nhận thấy, đó còn là sự nghiệp, là động cơ và lẽ sống của Người, là khát vọng, hoài bão mà Người theo đuổi đến suốt đời.

Người đã từng nói với quốc dân đồng bào, tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, đó là làm cho Tổ quốc được độc lập, dân tộc được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành, được hưởng quyền dân chủ, ai ai cũng có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân ở lứa tuổi 20, cuộc hành trình của Người kéo dài 30 năm (1911 - 1941). Người đi qua khắp các châu lục, làm đủ mọi nghề để sống và hoạt động cách mạng, tìm thấy chân lý và theo đuổi đến cùng *sự nghiệp* và *con đường* đã lựa chọn. Lúc trở về Tổ quốc để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam ở *thời điểm bước ngoặt*, tuổi xuân của Người đã qua đi nhưng tâm hồn, tư tưởng, trí tuệ của Người

vẫn mãi mãi trẻ trung, lạc quan, sáng suốt, miễn tiện như chính sức sống bền bỉ của dân tộc Việt Nam.

Quan niệm của Người về độc lập dân tộc thật tường minh, nhất quán. Nghị lực đấu tranh để giải phóng dân tộc vì độc lập, tự do của Người thật phi thường, mãnh liệt. Vượt lên mọi thử thách gian lao, mọi tình huống hiểm nguy của hoàn cảnh, suốt đời, Người chỉ vì nước, vì dân mà sống và tranh đấu.

Với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, độc lập thì phải độc lập thực sự, không phải và không thể là độc lập giả hiệu. Độc lập phải giành lấy bằng sức mình không thể thụ động trông chờ ý lại. *Phải đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*, muốn vậy phải thức tỉnh mọi người, nhất là lớp thanh niên trẻ tuổi, giác ngộ và đoàn kết toàn dân, tin vào lực lượng của mình, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế, nhưng vẫn phải dựa vào sức mình là chính.

Nước mất, nhà tan, dân nô lệ - tình cảnh ấy do đế quốc thực dân, phong kiến gây ra phải xóa bỏ bằng cách mạng. Đã làm cách mạng thì phải làm đến nơi. Công - nông là gốc của cách mạng, đoàn kết toàn dân làm nên lực lượng và sức mạnh của cách mạng.

Độc lập phải gắn với chủ quyền, Tổ quốc là thống nhất, không chia cắt, nhân dân phải là người chủ, tự quyết định vận mệnh, cuộc sống của mình. Độc lập còn phải gắn liền với tự do, công bằng, bình đẳng trong xã hội, những quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc là những quyền thiêng liêng không được xâm phạm, phải giành lấy và giữ lấy, phải được thừa nhận và bảo vệ bằng luật pháp của Nhà nước dân chủ pháp quyền, lại phải được thực hiện trong đời sống và nhân dân phải được thụ hưởng trên thực tế một cách chính đáng, công bằng, hợp lý.

Có biết bao sự kiện trong cuộc đời Người chứng tỏ sự nhất quán triệt để giữa tư tưởng và hành động, trở thành triết lý sống của Người.

- Năm 1919, sau gần một thập niên *tìm đường, nhận đường* để từng bước *thấy rõ con đường phải đi, lý tưởng, mục tiêu phải theo đuổi*, Người đã viết "Tám điều yêu sách" đòi độc lập, tự do cho Tổ quốc và nhân dân mình, gửi tới Hội nghị Véc-xây sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc. Đó là bước khởi đầu trong sự nghiệp đấu tranh chính trị của Nguyễn Ái Quốc, báo hiệu tầm vóc tư tưởng lớn của Người sau này.

- Từ năm 1920, khi tham gia Đảng Cộng sản Pháp và tán thành Quốc tế III, Người trở thành *đồng sáng lập* Đảng Cộng sản Pháp. Người đã tỏ rõ lập trường kiên định về cách mạng giải phóng dân tộc, yêu cầu đảng cộng sản ở chính quốc phải quan tâm tới phong trào cách mạng ở các thuộc địa, phối hợp giữa cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở thuộc địa, đấu tranh chống tư bản đế quốc thực dân để giải phóng các dân tộc bị áp bức.

- Tiếp cận tư tưởng của V.I.Lê-nin trong bản luận cương về "quyền tự quyết của các dân tộc" đã tạo nên bước ngoặt trong tư tưởng của Người. Tham luận nổi tiếng của Người tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (năm 1924) đã cho thấy dũng khí phê phán của Người đối với các lập trường "tả khuynh" và "hữu khuynh" về những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng, đặt vấn đề đúng đắn giữa đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân với giải phóng các dân tộc bị áp bức, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

- "*Đường cách mệnh*" (năm 1927) và Chính cương, sách lược văn tắt (năm 1930) do Người khởi thảo là những văn kiện quan trọng dẫn tới sự ra đời của Đảng đã định hình đường lối và phương pháp cách mạng, *một mặt*, đứng vững trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân; *mặt khác*, nêu cao tư tưởng đoàn kết, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và nhìn thấu suốt con đường của cách mạng Việt Nam quá độ bỏ qua chủ nghĩa tư

bản tới chủ nghĩa xã hội, đặt cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới.

- Đặc biệt quan trọng là sự lãnh đạo trực tiếp của Người cùng với Trung ương Đảng để chuyển hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam, *đặt lên hàng đầu* nhiệm vụ giải phóng dân tộc vì mục tiêu độc lập thời kỳ tiền khởi nghĩa dẫn đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đó là quyết định lịch sử của Hội nghị Trung ương 8 (khóa I) và thành lập Mặt trận “Việt Nam độc lập đồng minh” gọi tắt là Việt Minh (ngày 19-5-1941). Trong những năm tháng sôi động này, khi tinh thần và thời cơ cách mạng đang đến gần, Người đã viết lịch sử nước ta (“*Việt Nam diễn sử ca*”) để giáo dục lòng yêu nước cho toàn dân, huấn luyện cán bộ, gây dựng lực lượng và phong trào. Báo *Việt Nam độc lập*, theo chủ trương của Người, đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước và tinh thần đại đoàn kết toàn dân để cứu nước, cứu nhà.

Câu nói của Người trong thời điểm gian khó, giữa núi rừng Việt Bắc với đồng chí Võ Nguyên Giáp: “Bây giờ thời cơ cần kíp lắm rồi, dù có phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập” thể hiện ý chí mãnh liệt của Người, cũng là ý chí sắt son của cả dân tộc. Những chỉ đạo mau lẹ, sáng suốt, kịp thời của Người bên thềm Cách mạng Tháng Tám với chỉ thị thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng, với Quốc dân Đại hội Tân Trào đã dẫn đến thắng lợi giành chính quyền trong cả nước.

- Trong “*Tuyên ngôn độc lập*” (ngày 2-9-1945) còn vang vọng vào lịch sử ý chí và hành động của cả dân tộc “quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững nền độc lập tự do của Tổ quốc”.

- Trong lời kêu gọi “*Toàn quốc kháng chiến*” (ngày 19-12-1946), Người đã nói tiếng nói của lòng dân, của toàn dân tộc “Thà hy sinh tất cả quyết không chịu mất nước, quyết

không chịu làm nô lệ”. Đó là lời thề “cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

- Hai mươi năm sau, vào tháng 7-1966, trong những thử thách cam go nhất khi giặc Mỹ leo thang ném bom hàng loạt diệt miền Bắc, chiến tranh lan rộng, Người ra lời kêu gọi đồng bào chiến sĩ cả nước. Trong lời kêu gọi ấy, Người khẳng định “không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Cả hai lời kêu gọi thiêng liêng đó của Người, ngày nay đã được xếp vào hàng Quốc bảo trong di sản tinh thần, tư tưởng vô giá của dân tộc. Các tác phẩm của Người trở thành Bảo vật quốc gia còn phải kể đến “*Đường cách mệnh*”, “*Nhật ký trong tù*”, đặc biệt là *Di chúc*. Tất cả đều nổi bật tinh thần chủ đạo độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc trong di sản Hồ Chí Minh không chỉ là tư tưởng mà còn là một triết lý - triết lý *nhân sinh* và *hành động*.

Người chỉ rõ, “chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì.

Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn
2. Làm cho dân có mặc
3. Làm cho dân có chỗ ở
4. Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập⁽¹⁾.

Đủ hiểu vì sao, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, ngay sau lễ tuyên bố độc lập, Người đề ra sáu việc lớn cấp bách từ diệt “giặc đói”, “giặc dốt”, soạn thảo Hiến pháp, chuẩn bị tổng tuyển cử bầu Quốc hội, sửa đổi tâm lý quốc dân sau ngót một

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t.4, tr.152

thế kỷ bị thực dân đô hộ để gột rửa đầu óc nô lệ, xây dựng văn hóa, tính cách con người Việt Nam, đoàn kết tôn giáo, dân tộc và chủ trương đường lối, chính sách ngoại giao hòa bình, hữu nghị với các nước. Trong những việc lớn đó, có biện pháp mà Người nêu ra, đề nghị Chính phủ phát động ngay tinh tương thân tương ái, nhịn ăn, góp gạo để cứu dân nghèo, cứ 10 ngày nhịn một bữa, mỗi bữa là một bơ gạo, “lá lành đùm lá rách”, lấy gạo nuôi dân và Người xin làm trước tiên. Nghĩa cử cao quý đó đã nêu cao triết lý *vì dân* của Người, làm cho toàn dân cảm động và thế giới ngưỡng mộ, nể trọng.

Triết lý Hồ Chí Minh chỉ xoay quanh chữ “DÂN” mà thôi, mục đích *vì dân* nên phải nêu cao tinh thần “Dĩ công vi thượng” và “quang minh chính đại” để suốt đời thực hành cho được bốn đức làm người cần kiệm liêm chính để chí công vô tư, để đoàn kết. Mọi việc lớn nhỏ đều nhằm làm điều lợi cho dân, tránh điều hại tới dân. Đem tài dân, sức dân để làm lợi cho dân, để mưu cầu hạnh phúc cho dân, bởi *dân là chủ thể, dân là thước đo* chân lý. “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý”⁽²⁾.

Chỉ riêng một chữ “LIÊM” thôi trong đạo làm người của người cách mạng mà Người đã chỉ rõ bao điều cần thiết, lớn lao, hệ trọng để giữ cho lòng trong sạch, cho Đảng cầm quyền và Nhà nước của dân, do dân, vì dân trong sạch, cho chế độ bền vững trong lòng dân. Người nhấn mạnh, “để thực hiện chữ Liêm, cần có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên trên”⁽³⁾.

Người cảnh báo,... “có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư”. Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ LIÊM trước, để làm kiểu

mẫu cho dân. “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Mỗi người phải nhận rằng, tham lam là một điều rất xấu hổ, kẻ tham lam là có tội với nước, với dân”⁽⁴⁾.

Những chỉ dẫn đó của Người cho thấy, để giành được độc lập, giải phóng dân tộc phải làm cách mạng chống đế quốc thực dân. Chống giặc ngoại xâm đã khó. Có chính quyền mới, phải lo chống “giặc nội xâm”, để giữ vững độc lập, *từ bên trong*, để không rơi vào thoái hóa, hư hỏng, để xứng đáng với dân tộc và nhân dân.

Cuộc chiến đấu này còn khó khăn hơn nhiều, chống giặc ở ngay trong lòng mình là chủ nghĩa cá nhân sẽ có không ít đau đớn. Đó là nỗi lo lắng, dằn vặt thường trực của Người.

Người dấn thân để hy sinh vì dân vì nước. Người đã đặt tên cho mình là *Nguyễn Ái Quốc*, Người còn dằn lòng mình và các đồng chí, học trò của Người, dặn tất cả chúng ta phải “ÁI DÂN”, thương dân, yêu dân, kính dân, trọng dân. Người mang tên “Nguyễn Ái Dân” khi đã là Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng. Cả đời Người là một sự hy sinh, dâng hiến, quên mình đầy cao thượng và xúc động. Trong *Di chúc*, Người bày tỏ nỗi lòng, “chỉ tiếc là tiếc rằng, không được phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân *lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa*”.

Triết lý chính trị nhân văn của Hồ Chí Minh là như vậy. Đã coi Tổ quốc trên hết, dân tộc trên hết thì phải vì dân mà chiến đấu, hy sinh, không làm điều gì trái ý dân. Có dân mới giữ được độc lập dân tộc. Có dân tin tưởng, giúp đỡ, ủng hộ và bảo vệ thì Đảng mới vững mạnh, mới lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội vì Độc lập - Tự do - Hạnh phúc của dân tộc và nhân dân. □

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 216

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 640 - 642